

PHÒNG GD&ĐT.....
TRƯỜNG THCS.....

Chủ đề	Nội dung	Trắc nghiệm			Tự luận				
		NB	TH	Tổng số câu	NB	TH	VD	VDC	Tổng số bài
Giới thiệu về khoa học tự nhiên, dụng cụ đo và an toàn thực hành	Giới thiệu về khoa học tự nhiên	Câu 1	Câu 2	2					
	Một số dụng cụ đo và quy định an toàn trong phòng thực hành	Câu 3,4,6	Câu 5	4					
Các phép đo	Đo chiều dài, khối lượng và thời gian	Câu 7,9,10	Câu 8	4			Bài 1 (1,5 đ)		1
	Đo nhiệt độ	Câu 11,12		2					
Tế bào	Tế bào- đơn vị cơ sở của sự sống	Câu 13,15,16	Câu 14	4					
	Từ tế bào đến cơ thể	Câu 17,18		2	Bài 2.a (1 đ)	Bài 2.b (1 đ)		Bài 2.c (0,5 đ)	1
Đa dạng thế giới sống	Phân loại thế giới sống	Câu 20	Câu 19	2					
	Khóa lưỡng phân					Bài 3.a (1 đ)	Bài 3.b (1 đ)		1
Tỉ lệ %		30%	10%		10%	20%	25%	5%	
Điểm		3	1	20 câu	1	2	2,5	0,5	3 bài

BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT CÂU HỎI

Chủ đề	Nội dung	Câu/bài	Mô tả
Giới thiệu về khoa học tự nhiên, dụng cụ đo và an toàn thực hành	Giới thiệu về khoa học tự nhiên	Câu 1	NB: biết các lĩnh vực của khoa học tự nhiên
		Câu 2	TH: hiểu vai trò của khoa học tự nhiên
	Một số dụng cụ đo và quy định an toàn trong phòng thực hành	Câu 3	NB: biết cách sử dụng kính lúp cầm tay
		Câu 4	NB: biết cách xử lí khi bị hóa chất dính vào người
		Câu 5	TH: hiểu đặc điểm của từng loại kính, lựa chọn loại kính phù hợp để quan sát tế bào
		Câu 6	NB: biết các nguyên tắc cần thực hiện để đảm bảo an toàn trong phòng thực hành
Các phép đo	Đo chiều dài, khối lượng và thời gian	Câu 7	NB: biết cách chọn dụng cụ để đo khối lượng
		Câu 8	TH: hiểu về giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất trên thước trong hình
		Câu 9	NB: biết cách ước lượng chiều dài của vật để lựa chọn thước đo phù hợp.
		Câu 10	NB: biết đơn vị đo thời gian trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là giây.
	Đo nhiệt độ	Câu 11	NB: biết nhiệt độ sôi của nước ở một nhiệt độ xác định
		Câu 12	NB: biết nguyên tắc hoạt động của nhiệt kế thường dùng
Tế bào	Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	Câu 13	NB: biết các thành phần cấu tạo của tế bào
		Câu 14	TH: hiểu sự khác nhau của tế bào thực vật và động vật
		Câu 15	NB: biết kết quả của sự phân chia tế bào
		Câu 16	NB: biết cấu tạo của tế bào nhân thực
	Từ tế bào đến cơ thể	Câu 17	NB: biết cấu tạo của sinh vật đơn bào
		Câu 18	NB: biết các cấp độ cấu trúc của cơ thể
Đa dạng thế giới sống	Phân loại thế giới sống	Câu 19	TH: hiểu đặc điểm của các giới
		Câu 20	NB: biết các bậc phân loại từ thấp đến cao
Các phép đo	Đo chiều dài, khối lượng và thời gian Đo nhiệt độ	Bài 1	VD: Vận dụng các kiến thức về các dụng cụ đo để lựa chọn các dụng cụ đo phù hợp với các phép đo thường dùng trong đời sống.
Tế bào	Tế bào- đơn vị cơ sở của sự sống	Bài 2.a	NB: Biết các thành phần cấu tạo của tế bào thực vật và chức năng của từng thành phần.
		Bài 2.b	TH: Chỉ ra được điểm khác giữa tế bào thực vật với tế bào động vật.
		Bài 2.c	VDC: vận dụng các kiến thức để giải thích được vì sao cơ thể thực vật không có bộ xương nhưng vẫn đứng vững.

Đa dạng thế giới sống	Khóa lưỡng phân	Bài 3.a	TH: dựa vào hiểu biết thực tế nêu được những điểm giống và khác nhau của các sinh vật về môi trường sống, khả năng di chuyển, số chân...
		Bài 3.b	VD:Dựa vào những điểm giống và khác tìm được ở trên xây dựng được khóa lưỡng phân để phân chia được các sinh vật thành từng nhóm.

Phần I: Trắc nghiệm (4,0 điểm) *Hãy chọn phương án trả lời đúng và viết chữ cái đứng trước phương án đó vào bài làm.*

Câu 1: Khoa học tự nhiên **không** bao gồm lĩnh vực nào sau đây?

- A. Vật lý học. B. Hóa học và sinh học.
C. Khoa học Trái Đất và Thiên văn học. D. Lịch sử loài người.

Câu 2: Theo em, việc nghiên cứu sản xuất vacxin phòng Covid 19 thể hiện vai trò nào dưới đây của khoa học tự nhiên?

- A. Bảo vệ sức khỏe và cuộc sống của con người.
B. Cung cấp thông tin và nâng cao hiểu biết của con người.
C. Mở rộng sản xuất và phát triển kinh tế
D. Bảo vệ môi trường.

Câu 3: Cách sử dụng kính lúp cầm tay là

- A. Điều chỉnh ánh sáng bằng gương phản chiếu ánh sáng rồi quan sát.
B. Đặt mặt kính lúp lên vật rồi quan sát.
C. Để mặt kính gần mẫu vật quan sát, mắt nhìn vào mặt kính và điều chỉnh khoảng cách sao cho nhìn rõ vật.
D. Đặt và cố định tiêu bản rồi quan sát. Sử dụng hệ thống ốc điều chỉnh để quan sát rõ vật mẫu.

Câu 4: Nếu không may bị hoá chất rơi vào cơ thể hoặc quần áo thì bước đầu tiên và cần thiết nhất là phải làm gì?

- A. Đưa ngay ra trung tâm y tế cấp cứu, B. Hô hấp nhân tạo.
C. Lấy lá cây thuốc bỏng ép ngay vào vị trí đó D. Rửa sạch bằng nước ngay lập tức.

Câu 5: Khi quan sát tế bào thực vật ta nên chọn loại kính nào?

- A. Kính có độ. B. Kính lúp cầm tay.
C. Kính hiển vi quang học. D. Kính hiển vi hoặc kính lúp đều được.

Câu 6: Để đảm bảo an toàn trong phòng thực hành cần thực hiện nguyên tắc nào dưới đây?

- A. Đọc kĩ nội quy và thực hiện theo nội Quy phòng thực hành.
B. Chỉ làm thí nghiệm, thực hành khi có sự hướng dẫn và giám sát của giáo viên.
C. Thực hiện đúng nguyên tắc khi sử dụng hoá chất, dụng cụ, thiết bị trong phòng thực hành.
D. Tất cả các ý trên.

Câu 7: Để đo khối lượng của một vật ta dùng dụng cụ nào.

- A. Thước đo. B. Kính hiển vi. C. Cân. D. Kính lúp.

Câu 8: Hãy cho biết giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của thước kẻ trong hình sau:



- A. Giới hạn đo là 30 cm và độ chia nhỏ nhất là 1 mm,
B. Giới hạn đo là 30 cm và độ chia nhỏ nhất là 1 cm.
C. Giới hạn đo là 30 mm và độ chia nhỏ nhất là 1 mm.
D. Giới hạn đo là 3 cm và độ chia nhỏ nhất là 1 mm

Câu 9: Trước khi đo chiều dài của vật ta thường ước lượng chiều dài của vật để

- A. lựa chọn thước đo phù hợp. B. đặt mắt đúng cách.
C. đọc kết quả đo chính xác. D. đặt vật đo đúng cách.

Câu 10: Đơn vị đo thời gian trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là

- A. tuần. B. ngày. C. giây. D. giờ.

Câu 11: Trong thang nhiệt độ Xen-xi-ốt, nhiệt độ của hơi nước đang sôi là:

- A. 100°C. B. 0°C. C. 50°C. D. 78°C.

Câu 12: Nhiệt kế(thường dùng) hoạt động dựa trên

- A. sự nở vì nhiệt của chất rắn. B. sự nở vì nhiệt của chất lỏng.
C. sự nở vì nhiệt của chất khí. D. cả 3 phương án trên

Câu 13: Quan sát tế bào bên và cho biết mũi tên đang chỉ vào thành phần nào của tế bào,



- A. Màng tế bào. B. Chất tế bào. C. Nhân tế bào. D. Vùng nhân.

Câu 14: Thành phần chỉ có trong tế bào thực vật:

- A. Nhân. B. Tế bào chất. C. Màng sinh chất. D. Lục lạp.

Câu 15: Từ 1 tế bào trưởng thành tiến hành phân chia một lần tạo thành số tế bào con là.

- A. 4 tế bào con. B. 6 tế bào con. C. 2 tế bào con. D. 3 tế bào con.

Câu 16: Đặc điểm chỉ có ở tế bào nhân thực là

- A. có thành tế bào. B. có chất tế bào,
C. có nhân và các bào quan có màng. D. có màng sinh chất.

Câu 17: Sinh vật đơn bào là sinh vật được cấu tạo từ

- A. hàng trăm tế bào. B. hàng nghìn tế bào. C. một tế bào. D. một số tế bào,

Câu 18: Các cấp độ cấu trúc của cơ thể lần lượt là

- A. mô → tế bào → cơ quan → hệ cơ quan → cơ thể.
B. tế bào → mô → cơ quan → hệ cơ quan → cơ thể.
C. tế bào → mô → hệ cơ quan → cơ quan → cơ thể.
D. cơ thể → cơ quan → hệ cơ quan → tế bào → mô.

Câu 19: Cấu tạo tế bào nhân thực, cơ thể đa bào, có khả năng quang hợp là đặc điểm của sinh vật thuộc giới nào sau đây?

- A. Khởi sinh. B. Nguyên sinh.. C. Nấm. D. Thực vật.

Câu 20: Các bậc phân loại sinh vật từ thấp đến cao theo trình tự nào sau đây?

- A. Loài -> Chi(giống) -> Họ -> Bộ -> Lớp -> Ngành -> Giới.
B. Chi (giống) -> Loài -> Họ -> Bộ -> Lớp -> Ngành -> Giới,
C. Giới Ngành -> Lớp -> Bộ -> Họ -> Chi (giống) -> Loài.
D. Loài -> Chi (giống) -> Bộ -> Họ -> Lớp -> Ngành -> Giới.

Phần 2: Tự luận (6,0 điểm)

Bài 1: (1,5 điểm) Cho các dụng cụ sau: đồng hồ bấm giây, thước dây, kính lúp, kéo, búa, nhiệt kế y tế, thước kẻ, cốc đồng, cân khối lượng, ống hút nhỏ giọt.

Bạn An thực hiện một số phép đo sau, em hãy giúp bạn bằng cách lựa chọn dụng cụ đo phù hợp cho mỗi phép đo sao cho thực hiện dễ dàng và cho kết quả chính xác nhất.

STT	Phép đo	Tên dụng cụ đo
1	Đo thân nhiệt(nhiệt cơ thể)	
2	Đo lượng nước cần pha sữa cho em hàng ngày	
3	Đo khối lượng cơ thể	
4	Đo diện tích lớp học	
5	Đo thời gian đun sôi một lít nước	
6	Đo chiều dài của quyển sách	

Bài 2: (2,5 điểm)

- a, Nêu cấu tạo của tế bào thực vật và chức năng của từng thành phần ?
b, Tế bào thực vật khác tế bào động vật ở điểm nào?
c, Vì sao cơ thể thực vật không có bộ xương như động vật nhưng vẫn đứng vững?

Bài 3:(2 điểm) Cho một số sinh vật sau: cây khế, con gà, con thỏ, con cá.

- a. Em hãy xác định các đặc điểm giống và khác nhau ở những sinh vật trên.
b. Dựa vào các đặc điểm trên hãy xây dựng khoá lưỡng phân để phân chia các sinh vật trên thành từng nhóm?

-----HẾT-----

Phần I. Trắc nghiệm (4,0 điểm)

- Mỗi câu trả lời đúng được 0,2 điểm

- *Đáp án:*

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	D	A	C	D	C	D	C	A	A	C
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	A	B	C	D	C	C	C	B	D	A

Phần II. Tự luận (6,0 điểm)

Bài	Nội dung					Điểm
1 (1,5 điểm)	Lựa chọn dụng cụ đo phù hợp cho mỗi phép đo					
	STT	Phép đo		Tên dụng cụ đo		
	1	Đo thân nhiệt(nhiệt cơ thể)		Nhiệt kế y tế		0,25
	2	Đo lượng nước cần pha sữa cho em hàng ngày		Cốc đong		0,25
	3	Đo khối lượng cơ thể		Cân khối lượng		0,25
	4	Đo diện tích lớp học		Thước dây		0,25
	5	Đo thời gian đun sôi một lít nước		Đồng hồ bấm giây		0,25
	6	Đo chiều dài của quyển sách		Thước kẻ		0,25
2 (2,5 điểm)	a. Cấu tạo của tế bào thực vật gồm:					1
	- Thành tế bào: giúp tế có hình dạng nhất định. - Màng sinh chất: bao bọc ngoài chất tế bào. - Chất tế bào : có chứa các bào quan và là nơi diễn ra hầu hết các hoạt động sống của tế bào. - Nhân: điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào. - Không bào trung tâm: chứa dịch tế bào.					
	b. Khác với tế bào động vật, tế bào thực vật có thêm không bào trung tâm,thành tế bào và lục nạp là bào quan quang hợp.					
	c. Vì thành tế bào thực vật được tạo nên từ một chất rất bền gọi là cellulose, đóng vai trò bảo vệ và nâng đỡ cơ thể thực vật. giúp thực vật có thể đứng vững.					
3 (2 điểm)		Đặc điểm Sinh vật	Khả năng di chuyển	Môi trường sống	Số chân	1
		Cây khế	không	Cạn	-	
		Con gà	có	Cạn	Hai chân	
		Con thỏ	có	Can	Bốn chân	

	Con cá	có	Nước	-	
	b. Vẽ sơ đồ khóa lưỡng phân <pre> graph TD A[Khả năng di chuyển] -- Không --> B[Cây khế] A -- Có --> C[Sống ở cạn] C -- Không --> D[Con cá] C -- Có --> E[Có hai chân] E -- Không --> F[Con thỏ] E -- Có --> G[Con gà] </pre>				1

Chú ý: + Học sinh làm cách khác đúng thì căn cứ vào hướng dẫn chấm để chia điểm và cho điểm tối đa.

+ Cách làm tròn điểm toàn bài: Làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất

-----HẾT-----